

Số: 203/2020/QĐST-HNGĐ

*Cái Bè, ngày 30 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Hồng N**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hồng N và với anh Phạm Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng N và với anh Phạm Văn C tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn vì tình cảm không còn.

2.2 Về con chung: Chị N, anh C có 02 con chung là Phạm Thị Minh S, sinh ngày 23/6/1997 và Phạm Phú N1, sinh ngày 24/11/2008. Anh chị tự nguyện thỏa thuận giao Phú N1 cho anh C nuôi dưỡng (điều này phù hợp với nguyện vọng của Phú N1 mong muốn được sống chung với cha), chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C chưa có yêu cầu. Với Minh S đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được, anh chị không có ý kiến, yêu cầu gì. Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5 Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003517 ngày 29-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã M2, huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**NGÔ THỊ HÀ**